2013

TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

www.vietfracht.com.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU

1	*Báo cáo thường niên 2012*
70	*Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2012*
72	*Tờ trình về mức trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2012*
74	*Tờ trình về việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Công ty*
76	*Tờ trình về việc sửa đổi điều lệ Công ty*
78	*Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013

www.vietfracht.com.vn

MỤC LỤC
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

4 Các mốc lịch sử quan trọng

6 Tổng quan Công ty năm 2012
7 Báo cáo của HĐQT
14 Báo cáo của Ban Giám đốc
24 Báo cáo của Ban Kiểm soát

27 Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán
28 Báo cáo của Ban Giám đốc
30 Báo cáo của Kiểm toán viên
31 Bảng cân đối kế toán
33 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
34 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
35 Thuyết minh báo cáo tài chính

57 Cơ cấu lãnh đạo Công ty
Thành viên HĐQT, BKS, BĐH

65 Sơ đồ tổ chức của Công ty

69 Các Doanh nghiệp và Đối tác
Các Cty góp vốn và có vốn góp
Các thành viên góp vốn sáng lập

71 Các đơn vị thành viên

TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

"Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành

Công ty kinh doanh đa lĩnh vực

nhưng xoay quanh cốt lõi là nghiệp vụ hàng hải,

với mục tiêu hàng đầu là hiệu quả và chất lượng dịch vụ.

Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo,

đổi mới trong phát triển kinh doanh,

hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt nhất,

nhằm không ngừng tăng trưởng giá trị cổ phiếu cho cổ đông.

Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động,

sáng tạo cho mọi thành viên

nhằm đưa lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần".

Thông điệp của Chủ Tịch HĐQT

Mr. Trần Văn Quý

K*ính thưa các quí cổ đông,*

Đúng như dự báo, năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn của các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp vận tải biển do những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài và những bất ổn của nền kinh tế trong nước.

Với Vietfracht, bên cạnh những khó khăn của thị trường đầy cạnh tranh ,nguồn hàng vận chuyển hiếm hoi, giá cước thấp, chi phí nhiên liệu tăng cao, Công ty chúng ta vẫn tiếp tục chịu sức ép về chi phí vốn cao, dòng tiền trả nợ và lãi ngân hàng … Mặc dù vậy phát huy tinh thần vượt khó, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo, sự nỗ lực của tập thể người lao động, trong năm 2012 Công ty chúng ta đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2013 theo dự báo của các chuyên gia thì tình hình kinh tế trong nước và thế giới chưa có gì chuyển biến rõ nét và tiềm ẩn nhiều bất ổn do khủng hoảng nợ công ở các nước Châu Âu, "vách đá tài chính" ở Mỹ, kinh tế tăng trưởng chậm ở Trung Quốc, Nhật Bản và những căng thẳng chính trị ở Đông Bắc Á, Trung Đông và tranh chấp chủ quyền lãnh hải ở biển Đông…

Xuất phát từ đánh giá trên và thực tế mục tiêu của chúng ta đề ra cho năm 2013 là tập trung mọi giải pháp để duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh các lĩnh vực dịch vụ mà Công ty đang có; bảo toàn vốn ; từng bước tái cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đó ưu tiên đầu tư phát triển nhân lực và cơ sở hạ tầng cho mảng dịch vụ Logistic; đảm bảo việc làm đời sống cho người lao động và lợi ích các cổ đông.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Công ty sẽ tiếp tục triển khai quyết liệt việc tái cơ cấu đội tàu theo NQ HĐQT; nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu; quản ly tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm; …

K*ính thưa các cổ đông,*

Năm 2013 cũng là năm kỷ niệm Công ty tròn 50 tuổi. Nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trước các cổ đông, đặc biệt trong giai đoạn đầy khó khăn này, Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty đã và sẽ tiếp tục làm hết sức mình, thực hiện thắng lợi các các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nối tiếp xứng đáng truyền thống vẻ vang của một đơn vị anh hùng trong suốt nửa thế kỷ qua.

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần vận tải và Thuê tàu-Vietfracht xin được gửi tới các quí cổ đông những lời chúc sức khỏe , lời cảm ơn chân thành vì đã đồng hành và ủng hộ Công ty .

K*ính chào trân trọng.*

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

- Vận tải hàng hóa bằng đường biển

- Thuê tàu, cho thuê tàu và môi giới thuê tàu

- Giao nhận vận tải đường biển, hàng không, đường bộ

- Kinh doanh kho bãi và container

- Đầu tư tài chính

- Đại lý tàu biển

THÀNH TỰU

- Huân chương độc lập

- Đơn vị anh hùng lao động

- Cúp vàng doanh nghiệp

- Chứng chỉ ISO 9001 - 2008

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

1963 *"Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht" được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.*

1984 *Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành "Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht" theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ).*

1991 *Được đổi tên thành "Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht"*

2003 *Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ: Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ GTVT.*

2005 *Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty*

2006 *Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.*

2006 *Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán:* ***VFR.***

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phấn đấu trở thành một trong số doanh nghiệp hiệu quả cao và tiêu biểu của Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển và dịch vụ hàng hải. Không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm tối đa hoá lợi ích của cổ đông;

Song song với hiệu quả SXKD, chú trọng cải thiện điều kiện và môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn duy trì - phát triển uy tín, hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.

Công ty tích cực tham gia công tác xã hội, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Ngân sách NN và Xã hội.

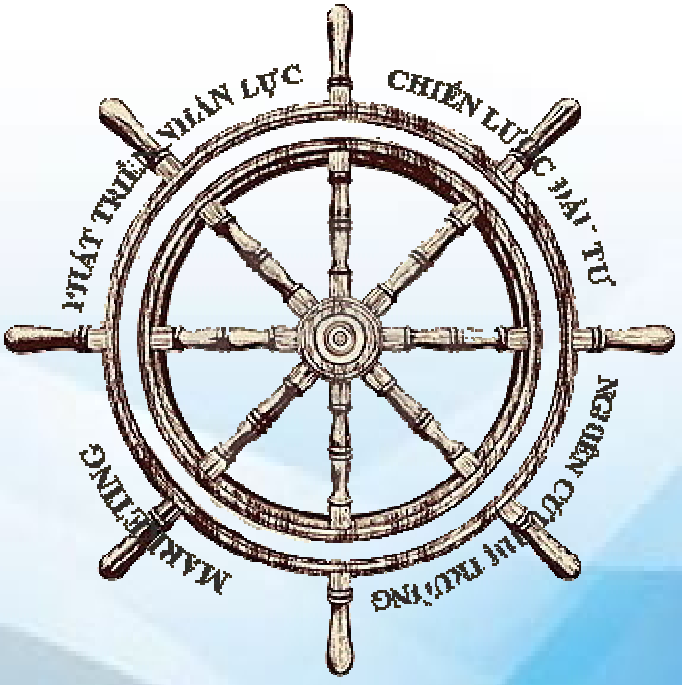

TỔNG QUAN CÔNG TY NĂM 2012

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2012

HĐQT Công ty Cổ phần vận tải và Thuê tàu - Vietfracht gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên là Chủ tịch HĐQT chuyên trách làm việc tại Công ty, 01 thành viên kiêm TGĐ điều hành, và 03 thành viên kiêm nhiệm khác không làm việc thường xuyên tại Công ty (trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập, đáp ứng tỷ lệ 1/3 tổng số TV HĐQT theo quy định). Danh sách các thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần … được nêu trong phần cuối của BC thường niên.

Hiện tại HĐQT chưa thành lập các tiểu ban, mà sử dụng chung bộ máy của Ban Điều hành, giúp việc HĐQT là một Thư ký HĐQT.

1. Các cuộc họp của HĐQT

- HĐQT chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Hàng quý, HĐQT đều tiến hành họp HĐQT thường kỳ để xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty quý trước, và thông qua phương hướng hoạt động cho quý sau. Khi có vấn đề phát sinh thuộc quyền hạn của mình, HĐQT tiến hành họp bất thường để kịp thời giải quyết vướng mắc, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong xử lý công việc của Công ty. Giữa các thành viên HĐQT cũng thường xuyên có sự trao đổi, bàn bạc công việc; đồng thời cũng có sự phối hợp tốt giữa HĐQT với Ban Kiểm soát để thúc đẩy khâu quản trị, giám sát Công ty. Trong tất cả các cuộc họp của HĐQT đều mời đồng chí Trưởng ban Kiểm soát tham dự để cùng thực hiện chức năng quản trị - giám sát.

- Hình thức họp HĐQT vẫn chủ yếu là gặp mặt trực tiếp, bên cạnh đó đã từng bước áp dụng hình thức họp trực tuyến, điều này làm đơn giản hoá sự đi lại, tiết kiệm chi phí và thời gian của các thành viên HĐQT ở xa. Công ty đã có sự phân tách giữa quản lý và điều hành từ năm 2010, nên đã mang lại hiệu quả tích cực hơn trong công tác quản trị (của HĐQT) và điều hành (của Ban Giám đốc) các hoạt động của Công ty.

- Trong năm 2012, HĐQT đã có 5 cuộc họp để bàn bạc, ban hành các Nghị Quyết và quyết định để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	NQ 101/2012 /VF-HĐQT	06/01/2012	+ QĐ giải thể Chi nhánh Vietfracht Cần Thơ; + Phê duyệt chi phí tiền lương Cty năm 2011; + Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Thuỷ giữ chức Kế toán trưởng có thời hạn.
2	QĐ 201/QĐ-VF-HĐQT	06/01/2012	QĐ giải thể Chi nhánh Vietfracht Cần Thơ do kinh doanh không có hiệu quả.
3	QĐ 202/QĐ-VF-HĐQT	12/01/2012	QĐ ban hành "Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty - sửa đổi lần thứ nhất".
4			- Thông qua KH đầu tư giai đoạn 2011 – 2015;

	NQ 102/2012/VF-HĐQT	29/3/2012	- Thông qua Kế hoạch tiền lương năm 2012; - Thống nhất cử một số cán bộ làm đại diện phần vốn góp của Công ty tại Vietfracht Đà Nẵng và tại Công ty TNHH Heung-A Shipping Vietnam. - Thông qua các tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2012: + Báo cáo kết quả SXKD năm 2011; Phương hướng hoạt động và SXKD năm 2012. + Phương án tạm dừng phân phối lợi nhuận; + Quỹ thù lao HĐQT/BKS năm 2011 và 2012; + Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán 2012
5	QĐ 209/QĐ-VF-HĐQT	04/4/2012	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2012 Công ty vào ngày 26/4/2012.
6	NQ 103/2012/VF-HĐQT	31/5/2012	+ Mở rộng tái cơ cấu đội tàu Cty: Thống nhất bán 03 tàu: Vietfracht 01, VFGlory và Vietfracht 02. + Thống nhất Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án mua tàu Oriental Princess (tức Blue Lotus) theo Tờ trình của TGĐ. + Nhất trí lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2012 là Cty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam -CPA. + Thống nhất tiến hành Dự án xây dựng kho bãi của Vietfracht Đà Nẵng tại KCN Hoà Cầm và tăng vốn Điều lệ của Vietfracht ĐN từ 8 tỷ lên 15 tỷ đồng bằng phát hành thêm cổ phần.
7	QĐ 210/2012/QĐ-VF-HĐQT	31/5/2012	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án mua tàu Oriental Princess (tức Blue Lotus)
8	NQ 104/2012/VF-HĐQT	24/8/2012	+ Phê duyệt phương án bán tàu Vietfracht 01 (người mua: Princess Ocean Co., Ltd., Thái Lan; Gía bán: 1,8 triệu USD). + Giao TGĐ ký kết hợp đồng và thực hiện các thủ tục khác để bán tàu này.
9	NQ 105/2012/VF-HĐQT	24/8/2012	+ Thông qua BCKQ SXKD 6 tháng ĐN 2012; Kế hoạch hoạt động 6 tháng CN 2012 của Công ty. + Giao BĐH tiếp tục hoàn thiện dự thảo "Quy chế QL tài chính, QL vốn đầu tư vào DN khác" trình HĐQT xem xét thông qua trong thời gian tới.
10	NQ 106/2012/VF-HĐQT	26/10/2012	+ Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2012, những nhiệm vụ chính cần triển khai trong 3 tháng cuối năm. + Thống nhất về cơ bản nội dung dự thảo Quy chế Quản lý tài chính và Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác" của Công ty, giao Ban Điều hành hoàn chỉnh, trình Chủ tịch HĐQT ký, phê duyệt để ban hành.
11	QĐ 211/VF-HĐQT	24/12/2012	Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính và Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác của Công ty CP Vận tải và thuê tàu – Vietfracht.

Tự đánh giá trong năm 2012 HĐQT đã bám sát các hoạt động của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng Ban Điều hành, kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định đáp ứng các yêu cầu ổn định và phát triển của Công ty.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGĐ và Ban Điều hành

- Trong năm vừa qua, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ thuộc diện quản lý của HĐQT đều tận tâm với nhiệm vụ của mình trong chỉ đạo điều hành, thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Đặc biệt là sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của TGĐ trong việc cắt giảm chi phí quản lý, tiết kiệm nhiên liệu và khắc phục những sự cố kỹ thuật. Điển hình là việc xử lý, khắc phục sự cố hỏng trục máy chính máy của tàu Vietfracht 02 và tàu Blue Lotus đã tiết kiệm được về chí phí, thời gian sửa chữa.

- Trong công tác tài chính, bên cạnh việc quản lý chặt chẽ theo đúng chế độ, TGĐ và Kế toán trưởng đã chủ động xử lý các khoản nợ đến hạn, cân đối các nguồn tiền đảm bảo phục vụ các hoạt động SXKD bình thường của đơn vị. Đây là cố gắng rất lớn của Ban điều hành trong điều kiện hết sức khó khăn về dòng tiền của Công ty.

- Nhìn chung trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc đã tập hợp và huy động được tập thể cán bộ dưới quyền cùng tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui định nội bộ của Công ty và các định hướng mà ĐHĐCĐ đề ra. Tuy nhiên để phục vụ có hiệu quả mục tiêu ổn định và phát triển lâu dài Công ty, Ban Điều hành cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo bồi dưỡng, xây dựng nguồn nhân lực về quản lý và chuyên môn, đặc biệt là nâng cao chất lượng thuyền viên. Đồng thời cần tăng cường công tác nghiên cứu, tiếp thị để mở rộng và phát triển sản xuất.

3. Thù lao của HĐQT năm 2012

Đơn vị: Đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao /tháng	Thù lao cả năm
1	Trần Văn Quý	CT HĐQT	4.500.000	54.000.000
2	Ngô Xuân Hồng	UV HĐQT-TGĐ	4.000.000	48.000.000
3	Nguyễn Trọng Hiền	UV HĐQT	4.000.000	48.000.000
4	Ngô Minh Thuấn	UV HĐQT	4.000.000	48.000.000
5	Nguyễn Quang Thoại	UV HĐQT	4.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:		**20.500.000**	**246.000.000**

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2012

1. Bối cảnh kinh tế chung

- Năm 2012 là năm khủng hoảng thứ 4 liên tiếp và trầm trọng nhất với nhiều biến cố bất thường kinh tế, chính trị và xã hội làm cho nền sản xuất và thương mại toàn cầu bị suy giảm mạnh, tốc độ tăng trưởng của các nước bị chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp ở các nước tăng cao… Thị trường vận tải biển quốc tế tiếp tục suy giảm với chỉ số BDI xuống thấp hơn cả năm 2011 và đạt mức đáy kỷ lục là 651 điểm vào ngày 02/02/2012, mức thấp nhất kể từ năm 2008 đến nay, trong khi giá nhiên liệu, dầu nhờn, vật tư vẫn tăng, làm cho ngành hàng hải điêu đứng, rất nhiều doanh nghiệp VTB bị thua lỗ. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2012 rất khó khăn, biểu hiện bởi các chỉ số kinh tế chính đạt được đều kém hơn các năm trước, hàng chục ngàn doanh nghiệp phải giải thể, ngừng hoạt động.

- *Đối với Công ty*: Do điều kiện kinh doanh khó khăn, cùng với hiện trạng cơ sở vật chất phục vụ sản xuất còn yếu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, nên lĩnh vực vận tải biển đang bị lỗ, còn các nghiệp vụ kinh doanh trên bờ của Công ty cũng bị giảm sút phần nào lợi nhuận. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực vượt khó của toàn thể người lao động, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, các hoạt động của Công ty được duy trì tương đối ổn định, lợi nhuận chung tuy bị giảm nhưng chưa bị lỗ, là một thành công nhất định, đáng khích lệ của Công ty.

2. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2012

HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 001/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2012 của ĐHĐCĐ thường niên 2012, sau đây là tóm tắt kết quả thực hiện các nội dung này trong năm 2012:

+ Về chỉ tiêu tài chính: *Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	TH/KH 2012
1	Tổng doanh thu	404,076	432,63	107,07%
2	Tổng chi phí	404,007	428,95	106,17%
3	LN trước thuế	0,069	2,71	3927%
4	LN sau thuế	0,069	2,71	3927%

Doanh thu trong năm 2012 vượt 7% và lợi nhuận vượt khá cao so với kế hoạch đặt ra cho năm 2012. Đây là kết quả phấn đấu của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo Công ty trong việc khắc phục khó khăn, duy trì các hoạt động SXKD, chú trọng tiết giảm chi phí. Nổi bật trong số các đơn vị thành viên kinh doanh có hiệu quả là các Chi nhánh Vietfracht Hải Phòng và Vietfracht Hồ Chí Minh; hai Công ty con là Vietfracht Hưng Yên và Vietfracht Đà Nẵng. Bên cạnh đó, việc bán thành công tàu Vietfracht 01 với giá khá cao so với giá thị trường, đã mang lại khoản thu nhập bất thường - bù đắp cho những thua lỗ của đội tàu.

+ Về công tác liên doanh liên kết: Các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty đều hoạt động có hiệu quả, mang lại nguồn thu khá tốt cho Công ty: Năm 2012 thu nhập cổ tức từ các Công ty liên doanh - liên kết đạt trên 10 tỷ đồng, trong đó nổi bật nhất là Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài đã mang về trên 5,3 tỷ đồng cổ tức.

+ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng toà nhà Văn phòng làm việc tại 52 Hòa Mã, Hà Nội, và đã đưa vào khai thác - cho thuê từ tháng 10/2012.

+ Công tác tái cơ cấu đội tàu: Mặc dù rất tích cực trong việc chào bán tàu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ để cắt lỗ và cải thiện tình hình tài chính, nhưng do thị trường mua bán tàu rất ảm đạm nên trong năm 2012 Công ty mới chỉ bán thành công được tàu Vietfracht 01, hiện Công ty vẫn đang tích cực tìm người mua để bán tiếp tàu Vietfracht 02 và tàu VF Glory.

+ Về việc tạm dừng phân phối lợi nhuận năm tài chính 2011: Đến nay UBND TP HCM vẫn chưa có quyết định cuối cùng về việc công nhận QSD đất ở và QSH tài sản trên đất tại số 22 Phạm Ngọc Thạch, TP HCM, nên Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục mua bán tòa nhà này cho người mua. Mặc dù đã hết sức cố gắng, song việc giải quyết những vướng mắc về thủ tục này thuộc về chính sách chung của nhà nước, và nằm ngoài khả năng xử lý của lãnh đạo Công ty.

+ Về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2012 của Công ty: Thừa ủy quyền ĐHĐCĐ, trên cơ sở tờ trình của Ban Điều hành, HĐQT đã lựa chọn Công ty Hợp doanh Kiểm toán Việt Nam - CPA Vietnam làm đơn vị kiểm toán 2012.

Đánh giá chung trong năm 2012, HĐQT cùng BGĐ điều hành luôn tập trung chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong đó trọng tâm là nhiệm vụ SXKD. Tuy đã cố gắng, song lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là vận tải biển vẫn bị thua lỗ. Ngoài kết quả kinh doanh khả quan của những mảng dịch vụ trên bờ khác, việc bán tàu Vietfracht 01 đã giúp Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch tài chính đề ra.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 CỦA HĐQT

1. Đánh giá những khó khăn và thuận lợi của Công ty

a- Những thuận lợi cơ bản:

+ Công ty có truyền thống đoàn kết, năng động sáng tạo và tinh thần vượt khó trong những thời điểm khó khăn nhất.

+ Sự chỉ đạo điều hành sâu sát, quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, trong đó phải kể đến chủ trương tái cơ cấu tài sản / đội tàu kịp thời của HĐQT.

b- Những khó khăn chủ yếu:

+ Tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa hồi phục và tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu, "vách đá tài chính " ở Mỹ. Kinh tế Trung Quốc có xu hướng tăng chậm lại.

+ Thị trường hàng hải tiếp tục chìm trong suy thoái, nguồn hàng vận chuyển rất khó khăn, giá cước thấp do cạnh tranh làm ảnh hưởng mạnh đến doanh thu của đội tàu.

+ Kinh tế Việt Nam trong năm 2013 còn rất nhiều khó khăn, tiềm tàng những bất ổn và nguy cơ lạm phát trở lại. Chi phí sản xuất dự kiến tăng do giá điện, giá nhiện liệu, các loại phí gia tăng.

+ Do số dư nợ ngoại tệ của Công ty khá lớn (đến 31/12/2012 còn nợ khoảng 15,27 triệu USD), nên Công ty vẫn phải chịu sức ép về dòng tiền trả nợ ngân hàng (2,78 triệu USD/năm).

2. Phương hướng hoạt động của Công ty năm 2013

a- Mục tiêu đặt ra năm 2013:

- Tập trung mọi giải pháp để duy trì ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh các lĩnh vực dịch vụ của Công ty.
- Bảo toàn vốn, từng bước tái cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng cho mảng dịch vụ Logistics.
- Đảm bảo việc làm và đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.

b- Kế hoạch tài chính Công ty năm 2013 (tỷ đồng):

- Tổng doanh thu:	350.788	triệu đồng
- Tổng chi phí:	350.669	triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	119	triệu đồng

3. Phương hướng công tác của HĐQT năm 2013

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đưa ra phương hướng - kế hoạch công tác của mình năm 2013 như sau:

- ✓ Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định; chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- ✓ Tiếp tục đôn đốc thực hiện tái cơ cấu đội tàu Công ty để cắt lỗ và tạo nguồn thu cho các nhu cầu về vốn của Công ty. Từng bước cân đối và lành mạnh hóa năng lực tài chính của công ty.
- ✓ Từng bước cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh, theo đó ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng cho mảng dịch vụ Logistics của Công ty.
- ✓ Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành, kiểm tra, kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn; Thực hiện triệt để tiết kiệm.
- ✓ Duy trì sự phối hợp công tác chặt chẽ giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Giám đốc trong việc theo dõi, chỉ đạo và giải quyết các công việc của Công ty theo đúng chức năng được Điều lệ giao.
- ✓ Tiếp tục rà soát các quy chế quản lý nội bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các quy định của Nhà nước.
- ✓ Tăng cường quan hệ với cổ đông thông qua việc cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2012

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2012

Như đã phân tích trên đây, kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam năm 2012 tiếp tục suy thoái sâu sắc, môi trường kinh doanh rất khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải biển - là lĩnh vực Công ty đầu tư nhiều vốn nhất, nhưng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Do vậy, kết quả SXKD chung của Công ty không tránh khỏi sự suy giảm so với các năm trước.

Dưới đây là bảng tóm tắt kết quả SXKD toàn Công ty năm 2012:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	TH/KH 2012
1	Tổng doanh thu	404,076	432,63	107,07%
2	Tổng chi phí	404,007	428,95	106,17%
3	LN trước thuế	0,069	2,71	3927%
4	LN sau thuế	0,069	2,71	3927%

Biểu đồ DT và LN trước thuế năm 2012:

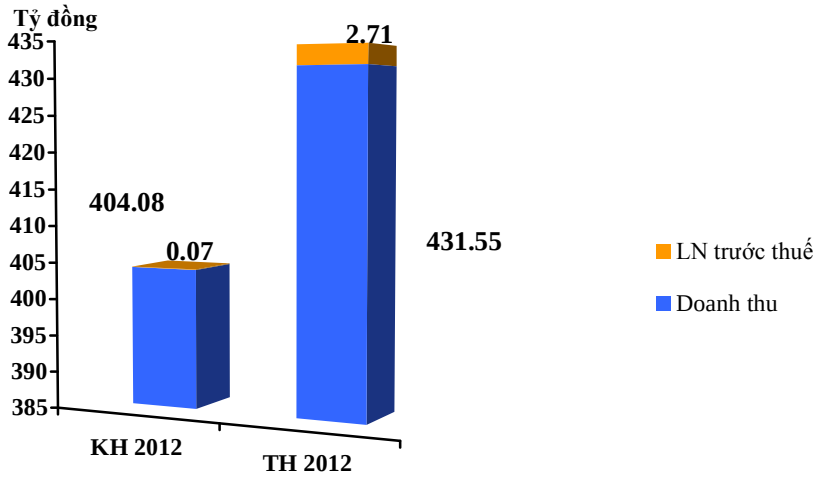

Tổng doanh thu của Công ty năm 2012 vượt kế hoạch 6,8%, lợi nhuận trước thuế đạt 2,71 tỷ đồng, bằng 3928% kế hoạch đề ra, tuy nhiên mức lợi nhuận không cao bằng mức của những năm trước khủng hoảng. Thực tế, khủng hoảng kinh tế kéo dài đã ảnh hưởng đến kết quả SXKD chung của Công ty, doanh thu tuy vẫn cao nhưng lợi nhuận lại giảm đi; đồng nghĩa với việc cạnh tranh ngày càng quyết liệt, tình hình làm ăn ngày càng khó khăn hơn, Công ty phải bỏ nhiều công sức, nguồn lực hơn nhưng đem về hiệu quả ít hơn.

2. **Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của các nghiệp vụ kinh doanh 2012**

a) Cơ cấu Doanh thu theo các nghiệp vụ kinh doanh (%):

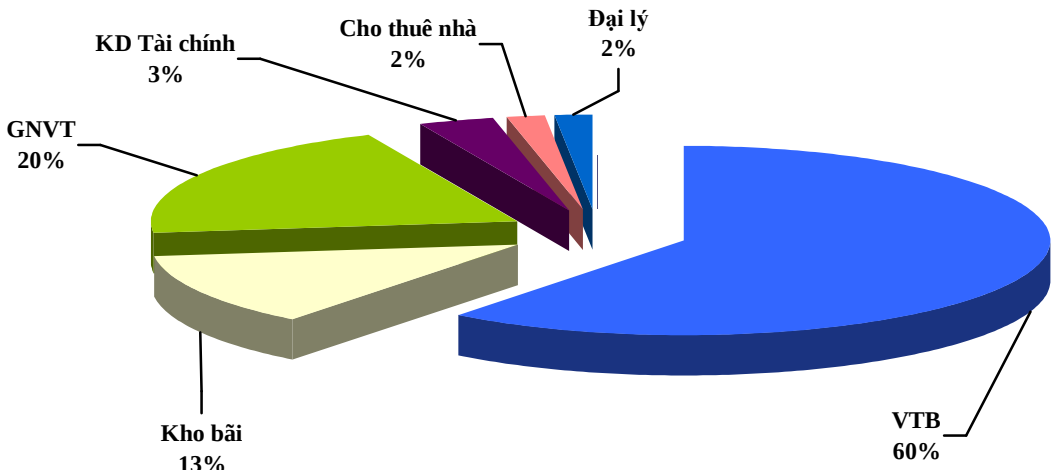

Rõ ràng, nghiệp vụ VTB vẫn là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo của Công ty, chiếm tỷ trọng tới 60%, tiếp theo là mảng GNVT 20%, kho bãi 13%, các dịch vụ còn lại chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ về doanh thu.

b) Lợi nhuận trước thuế theo các nghiệp vụ kinh doanh (tỷ đồng):

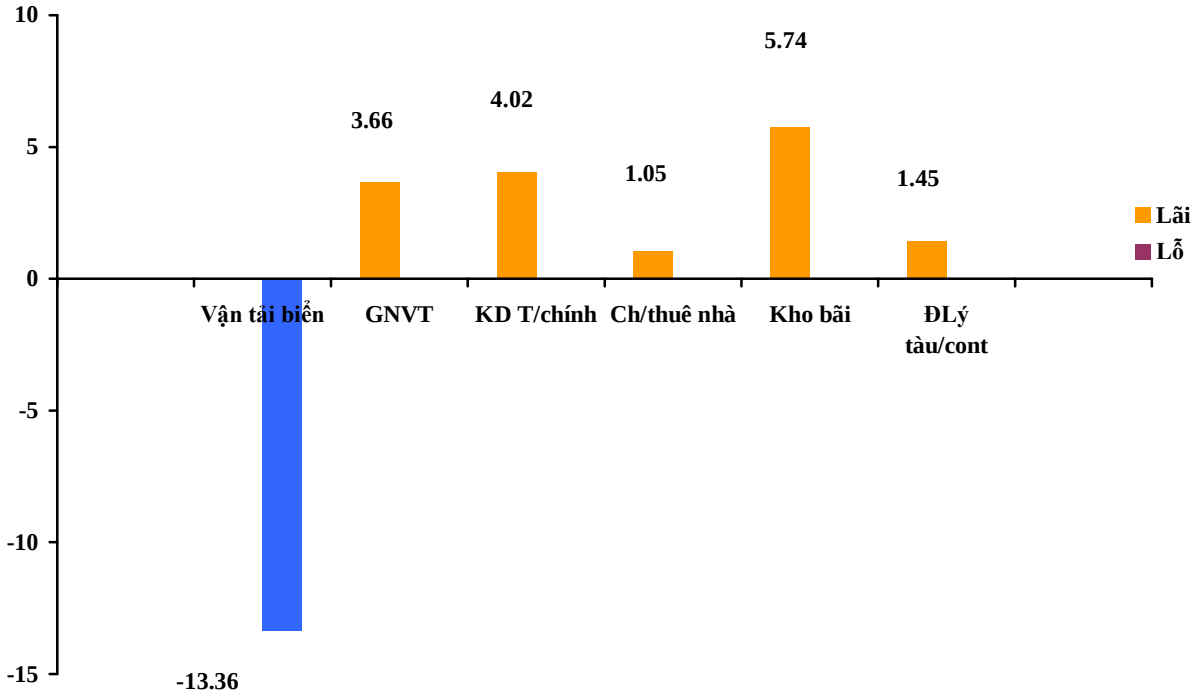

Ngoài mảng vận tải biển bị lỗ, các mảng dịch vụ khác trên bờ đều kinh doanh có lãi, nên kết quả kinh doanh chung của Công ty không bị lỗ.

3. Điểm qua tình hình các nghiệp vụ kinh doanh chính

a) Mảng Vận tải biển:

- Thị trường hàng hải vẫn tiếp tục đà suy thoái, rất trầm lắng, rất khó khăn, cạnh tranh rât quyết liệt. Chỉ số BDI năm 2012 giảm trung bình 60% so với năm 2011, đạt đáy 647 điểm vào ngày 03/02/2012 và hiện tại (tháng 4/2013) cũng đang rất thấp. Trong khi đó giá dầu đốt, dầu nhờn, vật tư vẫn ở mức cao, nên kinh doanh vận tải biển trong giai đoạn này có hiệu quả rất thấp. Năm 2012, rất nhiều doanh nghiệp VTB của Việt Nam bị lỗ. Các doanh nghiệp này phải chịu những tình cảnh mà báo chí Việt Nam đã nêu lên nhiều trong thời gian qua, như: Nhiều tàu nằm chơi vì không có hàng, hoặc chủ tàu không có tiền để mua dầu chạy tàu; Một số chủ tàu nợ lương thuyền viên, không có khả năng trả; Một số chủ tàu không có tiền trả nợ cho các nhà cung cấp (nhiên liệu, sửa chữa, phí cầu bến…) nước ngoài nên bị bắt giữ tàu dài ngày ở nước ngoài, làm cho đời sống thuyền viên trên tàu rất cơ cực (không tiền, không thực phẩm…). Đó là tình cảnh bi đát chưa từng có trong ngành hàng hải Việt Nam.

- *Về đội tàu Công ty*: Giá cho thuê tàu về cuối năm 2012 bị giảm mạnh cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch của đội tàu. Cụ thể, từ quý IV/2012, giá cho thuê tàu Thăng Long đang từ 6.250 USD/ngày giảm xuống còn 3.000 USD/ngày; giá cho thuê tàu Blue Lotus giảm từ 8.500 USD/ngày giảm xuống còn 5.750 USD/ngày. Đặc biệt, do dư nợ vay mua tàu của Công ty còn khá lớn, nên chi phí tài chính của đội tàu cao, cũng tác động làm giảm lợi nhuận đội tàu. Tuy nhiên, Vietfracht không giống bất cứ doanh nghiệp VTB nào như vừa nêu ở trên, cụ thể là: Cả 5 tàu của Công ty đều chạy và khai thác bình thường, không nằm chơi, Công ty không nợ lương thuyền viên, không nợ tiền dầu, tiền sửa chữa, không bị bắt giữ tàu nào ở nước ngoài. Ngoài ra, Công ty luôn trả nợ vay và lãi vay đầy đủ và đúng kỳ hạn, kết quả kinh doanh chưa bị lỗ năm nào. Đó là thành tích đáng tự hào của tập thể CBCNV Công ty. Hiệp hội tàu biển Việt Nam đánh giá cao Vietfracht và coi Vietfracht là một trong hai công ty VTB vẫn có thành tích và uy tín cao nhất trong giới hàng hải Việt Nam hiện nay.

- *Kết quả tài chính đội tàu (tỷ đồng)*:

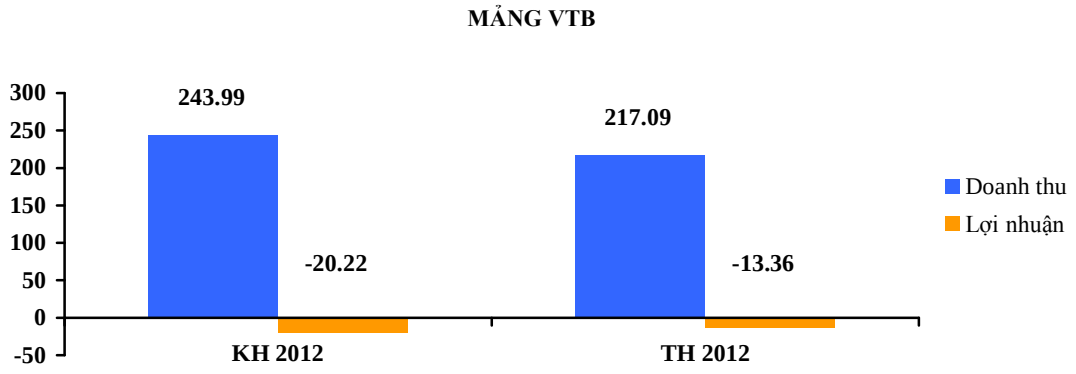

Đội tàu Vietfracht năm 2012 bị lỗ -13,36 tỷ đ, lỗ ít hơn kế hoạch 6,86 tỷ đ. Trong năm 2012, thực hiện chủ trương tái cơ cấu đội tàu của HĐQT, đầu tháng 10/2012 Công ty đã bán thành công tàu Vietfracht 01 với giá khá cao so với mặt bằng giá thị trường, góp phần làm tăng lợi nhuận cho mảng vận tải biển. Đối với tàu Vietfracht 02 và VFGlory, Ban Điều hành đã tích cực chào bán, nhưng do thị trường hàng hải trầm lắng, đến nay vẫn chưa có người mua nào quan tâm, vì vậy vẫn chưa bán được.

b) Các mảng dịch vụ khác trên bờ:

* Tình hình thị trường:

+ Hầu như mọi lĩnh vực của nền kinh tế đều chịu ảnh hưởng của khủng hoảng, đều lâm vào tình cảnh khó khăn, đối với Công ty cũng vậy. Do, khối lượng hàng hoá XNK qua các cảng Việt Nam giảm mạnh, các đối tác của Vietfracht cũng giảm lượng hàng hoặc không có hàng vì dừng hoạt động, cạnh tranh thị trường trong lĩnh vực logistics, về đại lý tàu biển, đại lý container, về văn phòng cho thuê đều rất khốc liệt. Trong khi đó, chi phí đầu vào vẫn ở mức cao mà giá cước dịch vụ của Công ty không thể tăng theo.

+ Cơ sở vật chất phục vụ sản xuất như kho, bãi, trang thiết bị của Công ty không mạnh, nên khó mở rộng sản xuất và cũng khó thu phục được khách hàng mới, ảnh hưởng đến quy mô sản xuất và chất lượng dịch vụ. Hiện nay xu thế quốc tế là cung cấp cả chuỗi dịch vụ logistics, có thể mới nâng cao được hiệu quả, mới có khách hàng, trong khi Vietfracht chỉ làm giao nhận, vận tải trực tiếp - tức chỉ làm một khâu nhỏ trong chuỗi đó nên ít hiệu quả và cũng khó tìm được khách hàng. Trong 1 – 2 năm tới, khi nước ta mở cửa hoàn toàn dịch vụ này thì Công ty sẽ càng gặp bất lợi hơn.

+ Tuy nhiên bằng sự cố gắng nỗ lực, tinh thần vượt khó vươn lên của tập thể CBCNV, sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Công ty, các đơn vị sản xuất đều có lãi, tính chung bình thì các mảng kinh doanh của Công ty đều đạt xấp xỉ mức của năm 2011, là sự cố gắng lớn. Hai Công ty con là VF Hưng Yên và VF Đà Nẵng cũng đều có kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra và đạt cao hơn mức thực hiện của năm trước.

* Kết quả kinh doanh năm 2012 của các mảng dịch vụ (ngoài mảng VTB), và so với năm trước, như sau:

+ Kết quả mảng GNVT (gồm giao nhận và vận tải bộ, tỷ đồng):

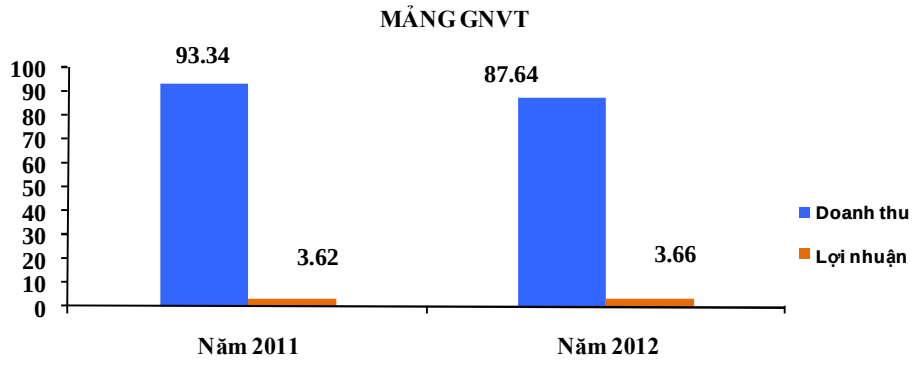

+ Kết quả mảng Kho bãi (tỷ đồng):

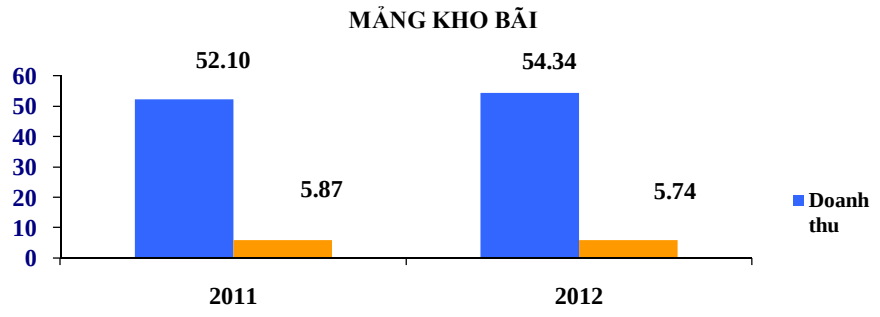

+ Kết quả mảng Đại lý tàu và Đại lý container (tỷ đồng):

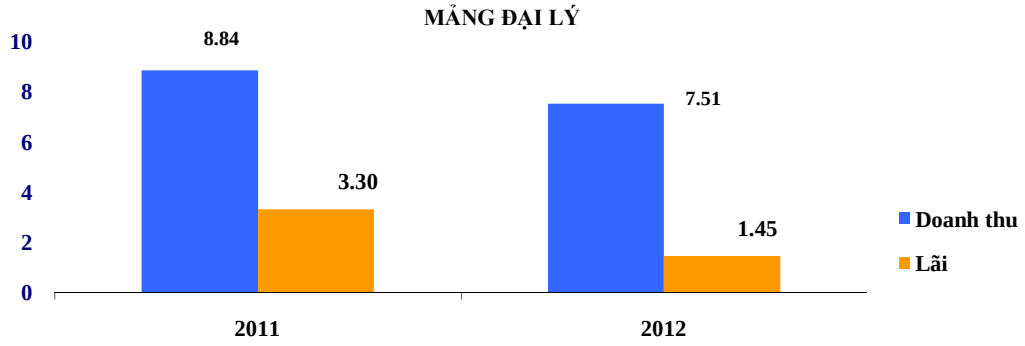

+ Kết quả mảng cho thuê nhà (tỷ đồng):

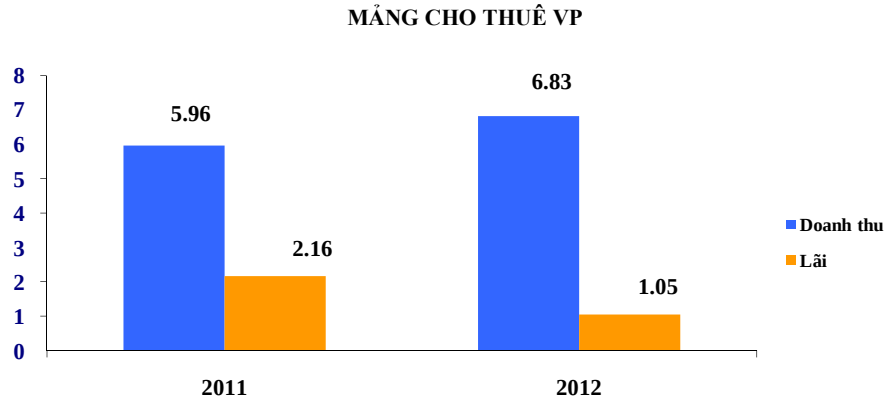

Trong năm 2012 đã hoàn thành xây dựng và đưa vào cho thuê Toà nhà văn phòng tại 52 Hoà Mã – Hà Nội. Dự án xây dựng kho bãi tại Tân Cảng - Long Bình đang trong giai đoạn lập Báo cáo đầu tư để trình HĐQT phê duyệt. Dự án xây dựng kho bãi Hoà Cầm – Đà Nẵng đã được Công ty chấp thuận về chủ trương và giao cho VF Đà Nẵng chủ động xúc tiến triển khai.

+ Kết quả mảng k/d tài chính (tỷ đồng):

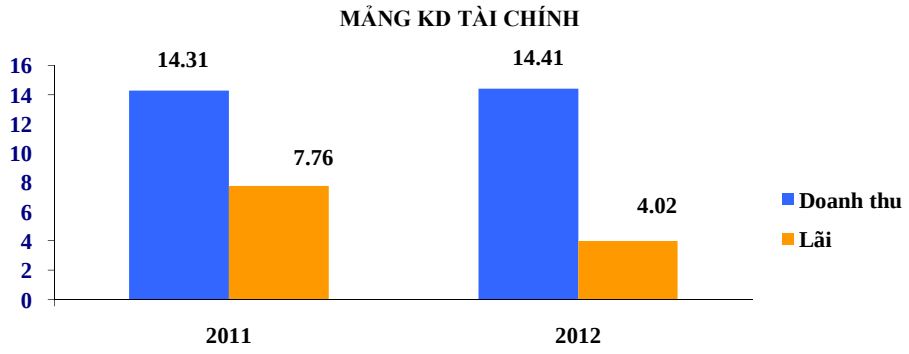

4. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban lãnh đạo Công ty, gồm HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành;Số lượng cán bộ công nhân viên; Chính sách đối với người lao động được nêu ở phần sau của BC thường niên.

5. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tâu)

a) Các khoản đầu tư dự án, đầu tư tài chính:

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn thành xây dựng và đưa vào cho thuê Toà nhà văn phòng tại 52 Hoà Mã – Hà Nội. Dự án xây dựng kho bãi tại Tân Cảng - Long Bình trong giai đoạn lập Báo cáo đầu tư để trình HĐQT phê duyệt (đến thời điểm này – tháng 4/2013, dự án đã được HĐQT phê duyệt). Dự án xây dựng kho bãi Hoà Cầm – Đà Nẵng đã được Công ty chấp thuận về chủ trương và giao cho VF Đà Nẵng chủ động xúc tiến triển khai.

b) *Tình hình về các công ty con, công ty liên kết*: Có giải trình ở phần cuối BC thường niên

6. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. đ	732.306	660.301	- 9,83%
2. Doanh thu thuần	Tr. đ	360.876	373.743	3,57%
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/d	Tr. đ	- 4.912	- 20.072	308,62%
4. Lợi nhuận khác	Tr. đ	160.876	37.933	- 76,42%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	113.949	2.707	- 97,62%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	73.953	2.707	- 96,34%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		49,3%	1,8%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,77 lần	0,71 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,77 lần	0,71 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64 lần	0,60 lần	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,81 lần	1,51 lần	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,49 lần	0,57 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	20,49%	0,72%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	28,4%	1,03%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	10,1%	0,41%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	- 13%	- 9,4%	

c) Tình hình tài sản

Đến ngày 31/12/2012 tổng tài sản cố định của Công ty là 491,77 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định của mảng Vận tải biển chiếm 92,88% (do điều kiện thị trường rất xấu hiện nay, mảng này đang có hiệu quả rất thấp, 3 năm qua đều bị lỗ), tài sản cố định của mảng dịch vụ khác chỉ chiếm 7,12% (dù cũng gặp khó khăn, nhưng lại đang duy trì được hiệu quả kinh doanh khá ổn định). Và đây chính là nguyên nhân làm cho kết quả SXKD của Công ty bị suy giảm nghiêm trọng trong những năm vừa qua. Rõ ràng, mảng vận tải biển đang giữ vai trò chủ đạo của Công ty, nếu mảng này mạnh thì Công ty mạnh, mảng này yếu thì Công ty cũng yếu theo. Trong những năm tới nếu thị trường hàng hải còn khó khăn kéo dài thì khả năng trả nợ đối với các khoản vay - mua tàu sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

d) Tình hình nợ phải trả

Đến ngày 31/12/2012 Công ty còn khoản nợ tổng cộng là 397,69 tỷ đồng, chiếm 60% tổng nguồn vốn, trong đó đa phần là nợ vay dài hạn, chiếm 66,22% tổng nợ. So với năm 2011 với hệ số nợ là 64%, thì hệ số nợ năm 2012 đã giảm được một chút. Năm 2012 Công ty đã trả lãi vay đầy đủ và đúng hạn. Tuy nhiên, năm 2013 có một mối lo là: Do khoản vay nợ dài hạn

chủ yếu là nợ bằng đồng ngoại tệ với trị giá trên 14 triệu USD, nếu năm 2013 đồng Việt Nam giảm giá trị thì có thể sẽ phát sinh thêm khoản lỗ không nhỏ do chênh lệch tỷ giá.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

1. Dự báo kinh tế, thị trường 2013

Mặc dù dự báo kinh tế thế giới có dấu hiệu khởi sắc trong năm 2013, song các tổ chức uy tín quốc tế cũng không quên cảnh báo về sự mong manh của sự phục hồi này, nếu các chính phủ chủ quan hoặc không kiên trì hỗ trợ nền kinh tế của mình. Kinh tế Việt Nam vừa trải qua một năm cực kỳ khó khăn, với các chỉ tiêu kinh tế đạt được đều thấp, các chính sách về tái cơ cấu một số lĩnh vực của nền kinh tế do Chính phủ đề ra được thực hiện rất chậm chạp, có rất ít kết quả. Trong khi đó các giải pháp điều hành nền kinh tế chưa mang tính dài hơi, chưa đột phá… Như vậy, có thể nói rằng năm 2013 chắc chắn nền kinh tế VN còn rất nhiều khó khăn.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013

Căn cứ mục tiêu hoạt động năm 2013 do HĐQT đề ra (nêu ở phần trên), Ban Điều hành xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2013 như sau:

a) Lĩnh vực Vận tải biển:

+ Năm 2013 dự kiến việc kinh doanh khai thác đội tàu sẽ vẫn khó khăn, sẽ tiếp tục bị lỗ khá lớn, do đó cần tích cực thực hiện Đề án tái cơ cấu đội tàu theo Nghị quyết HĐQT, theo đó khẩn trương bán tàu VF02 (lưu ý nên bán tàu VF02 trước kỳ lên đà đặc biệt vào tháng 8/2013) và tàu VFGlory để cắt lỗ, góp phần làm giảm mức lỗ của toàn đội tàu, bổ sung dòng tiền cho Công ty. Tuy nhiên, do giá tàu càng để lâu càng hạ, nên đề nghị HĐQT cho cơ chế linh hoạt về giá bán để BĐH thuận lợi và chủ động hơn trong việc bán tàu.

+ Song song với việc tăng cường hiệu quả tự khai thác tàu, cần lưu ý nghiên cứu xây dựng phương án khai thác tàu Thăng Long (nếu phải nhận về sau khi hết hạn thuê – tháng 3/2013) và tàu Blue Lotus (nếu phải nhận về sau khi hết hạn thuê – tháng 6/2013).

+ Công tác quản lý kỹ thuật tàu cần được tăng cường, cả về khâu chuyên môn nghiệp vụ, cả về khâu nhân sự. Thực hành tiết kiệm chi phí một cách hợp lý, cải tiến biện pháp để quản lý hữu hiệu hơn đối với việc sử dụng nhiên liệu chạy tàu. Đặc biệt chú ý quản lý kỹ thuật 02 tàu Thăng Long và Blue Lotus để duy trì khả năng cho thuê tiếp các tàu này. Ban Quản lý An toàn mới được thành lập cần triển khai ngay công việc, đồng thời xây dựng quy chế, quy trình làm việc, quy trình phối hợp với các Phòng, Ban liên quan.

+ Tăng cường quản lý có chiều sâu công tác thuyền viên, ngoài việc đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, thì cần phải giáo dục nâng cao ý thức thuyền viên, có biện pháp chế tài một cách hiệu quả đối với các vụ việc do lỗi thuyền viên.

b) Công hoạt động SXKD khác:

+ Các đơn vị cung cấp các dịch vụ về giao nhận, kho bãi, đại lý… cần phải chủ động khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí

đầu vào. Đặc biệt cần phải tăng cường hoạt động tiếp thị - marketing, tìm kiếm và phát triển thêm khách hàng để bù đắp cho những khối lượng công việc mất đi do khủng hoảng, nhằm duy trì và tăng thêm doanh thu. Thời gian tới cần tổ chức hội nghị chuyên đề họp bàn về định hướng phát triển công tác giao nhận để nâng cao hiệu quả và phù hợp với chủ trương mở cửa, hội nhập của Nhà nước trong lĩnh vực logistics từ năm 2014 trở đi.

+ Khai thác, quản lý có hiệu quả các toà nhà đang cho thuê, đồng thời tiếp tục giao dịch để hoàn thành các thủ tục pháp lý về nhà đất đối với các toà nhà của Công ty đang thuê của Nhà nước.

c) Công tác tài chính:

+ Trong bối cảnh tình hình tài chính Công ty eo hẹp, bị mất cân đối, nguy cơ thiếu dòng tiền, cần tăng cường kiểm soát công nợ, tận thu, tiết kiệm chi phí, tìm biện pháp tăng vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, cũng cần tính toán trong việc phân bổ lợi nhuận cho các quỹ một cách hợp lý, có dự phòng tài chính cho năm 2013.

+ Bên cạnh việc thường xuyên theo dõi hoạt động của các Công ty liên doanh liên kết để nắm bắt tình hình và thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này, phải luôn năng động, tìm cơ hội hợp tác, liên kết để có thể nhận thêm được nguồn vốn, mở rộng dịch vụ nếu thấy có hiệu quả cao, nhằm tăng thêm doanh thu cho Công ty.

d) Kế hoạch đầu tư năm 2013:

- Dự án ĐTXD và khai thác hệ thống kho bãi Long Bình – Vietfracht, tỉnh Đồng Nai (hợp tác với TCTy Tân Cảng Sài Gòn).

- Đầu tư góp vốn thành lập Công ty CP Vietfracht - Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà để thiết lập và khai thác khu chuyển tải quặng rời không bến trên vịnh Vân Phong với vốn Điều lệ 10 tỷ đồng, trong đó Vietfracht tham gia với tỷ lệ 30% tương đương 3 tỷ đồng.

- Đồng thời thành lập Chi nhánh Vietfracht tại Khánh Hoà để cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển và logistics tại khu trung chuyển của Công ty VF – Vân Phong và các tỉnh nam Trung bộ.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2013

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	KH2013/ TH2012
I	**Vốn điều lệ**	**Tr đ**	**150,000**	**150,000**	**100.0%**
	Cổ phần nhà nước	*Tr đ*	*76,532*	*76,532*	*100.0%*
	Cổ đông khác	*Tr đ*	*73,468*	*73,468*	*100.0%*
II	**KẾT Qua SXKD**				
1	**Sản xuất kinh doanh**				
	- Doanh thu	**Tr đ**	**379,180**	**306,566**	*80.85%*
	Vận tải biển	*Tr đ*	*216,967*	*145,990*	*67.29%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*162,212*	*160,576*	*98.99%*
	- Chi phí	**Tr đ**	**395,780**	**324,030**	*81.87%*
	Vận tải biển	*Tr đ*	*246,932*	*176,824*	*71.60%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*148,848*	*147,206*	*98.89%*
	- Lợi nhuận	**Tr đ**	**-16,601**	**-17,464**	*-5.21%*
	Vận tải biển	*Tr đ*	*-29,965*	*-30,834*	*-6.24%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*13,364*	*13,370*	*100.04%*
2	**Tài chính**	**Tr đ**			
	- Doanh thu	*Tr đ*	14,540	10,910	*75.03%*
	- Chi phí	*Tr đ*	21,729	16,235	*74.71%*
	- Lợi nhuận	*Tr đ*	-7,188	-5,325	*74.07%*
3	**Bất thường**	**Tr đ**			
	- Doanh thu	*Tr đ*	37,826	33,312	*88.07%*
	- Chi phí	*Tr đ*	5,330	4,704	*88.24%*
	- Lợi nhuận	*Tr đ*	32,496	28,608	*88.04%*
4	**Chi phí QLDN**		**6,000**	**5,700**	*95.00%*
5	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tr đ**	**2,706**	**119**	*4.41%*
	Kinh doanh chính	***Tr đ***	***-16,601***	***-17,464***	*-5.21%*
	Vận tải biển	*Tr đ*	*-29,965*	*-30,834*	*-6.24%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*13,364*	*13,370*	*100.04%*
	Tài chính	***Tr đ***	***-7,188***	***-5,325***	*-34.99%*
	Bất thường	***Tr đ***	***32,496***	***28,608***	*88.04%*
6	**Thuế TNDN**	**Tr đ**	**0**	**0**	
	Thuế TNDN phải nộp	*Tr đ*			
	Thuế TNDN được miễn giảm	*Tr đ*			
7	**LN sau thuế**	**Tr đ**	**2,706**	**119**	*4.41%*
8	**Trích lập các quỹ**	**Tr đ**			
	- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	*Tr đ*			
	- Quỹ dự phòng tài chính (=10% LNST)	*Tr đ*			
	- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (=5% LNST)	*Tr đ*			
	- Quỹ đầu tư phát triển	*Tr đ*			
	(= số thuế TNDN được miễn giảm)				
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (= 1 tháng lương)	*Tr đ*			
9	**LN chia cổ tức**				

Phát huy truyền thống vẻ vang 50 năm Vietfracht, HĐQT, Ban ĐH và toàn thể CBCNV Công ty quyết tâm đoàn kết, phấn đấu lao động sản xuất để hoàn thành kế hoạch năm 2013, cùng đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2012 của Công ty CP Vận tải biển và thuê tàu - Vietfracht như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1.1 Các công tác đã thực hiện năm 2012

- Năm 2012 các thành viên BKS đã thực hiện các công việc theo đúng nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên, Bà Kiều Bích Hoa - Trưởng ban, Ông Nguyễn Giang Tiến – TV BKS, Ông Nguyễn Tuấn Anh – TV BKS. BKS đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT Công ty.
- BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2012 đối với HĐQT và BĐH, cụ thể:
+ Tham gia ý kiến và kiến nghị với HĐQT, BGĐ về các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành, và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, BGĐ.
+ Thẩm tra các BC tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với Kiểm toán đốc lập trong quá trình soát xét, đánh giá BC tài chính.
+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tổng Thù lao của BKS năm 2012 là 124.800.000 đồng, trong đó: Trưởng BKS 48.000.000 đồng, TV BKS Nguyễn Giang Tiến và Nguyễn Tuấn Anh 38.400.000 đồng.

1.2 Định hướng kế hoạch năm 2013

- BKS sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
- BKS sẽ tập trung thực hiện kiểm tra, soát xét công tác tái cơ cấu đội tàu của Công ty.
- Theo dõi việc triển khai các dự án đầu tư mới của Công ty (dự án vịnh Vân Phong- Khánh Hòa, dự án Đầu tư xây dựng kho bãi tại ICD Long Bình- Đồng Nai).

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ 5 kỳ họp (thường kỳ quý/năm, bất thường) và biểu quyết theo hình thức văn bản, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và của Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.
- Năm 2012 HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết, quyết định. HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của BĐH trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; phối hợp tốt với BGĐ để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty.
- Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT như sau:
+ Năm 2012 là năm khủng hoảng thứ 4 liên tiếp, thị trường vận tải biển tiếp tục suy giảm sâu và thấp nhất kể từ năm 2008 đến nay, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn, một mặt BGĐ đã chỉ đạo CBCNV Công ty khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động kinh doanh, đồng thời triển khai thành công việc bán tàu VF01 để tạo vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh

doanh. Kết quả doanh thu năm 2012 vượt 7% và lợi nhuận vượt kế hoạch cao so với kế hoạch đặt ra.

+ Mặc dù trong bối cảnh thị trường vận tải biển rất xấu, nhiều chủ hàng phải hủy bỏ hợp đồng thuê tàu do khan hiếm hàng hóa vận chuyển nhưng BĐH Công ty đã tập trung chỉ đạo, nỗ lực trong công tác quản lý tàu Thăng Long và tàu Blue Lotus nên vẫn tiếp tục đảm bảo cho đối tác Nhật Bản Daiichi thuê định hạn, đem lại dòng tiền thường xuyên cho doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Kiểm soát, công tác quản trị của HĐQT và điều hành của BGĐ còn một số tồn tại sau đây:

+ Bên cạnh những mảng kinh doanh kho bãi, giao nhận vận tải, đại lý Công ty đã nỗ lực đạt và vượt kế hoạch thì mảng kinh doanh truyền thống của Công ty là Vận tải biển vẫn lỗ (- 37,3 tỷ đồng, chưa tính thu nhập từ bán tàu VF01), mặc dù có giảm so với năm 2011 (lỗ - 45,6 tỷ đồng). Ngoài những nguyên nhân khách quan do yếu tố thị trường tác động mạnh (giá cước giảm, giá nhiên liệu tăng, chi phí vốn tăng và tỷ giá biến động bất lợi), thì nguyên nhân chủ quan là do những hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý, khai thác (khai thác tìm luồng tuyến hay hàng hóa vận chuyển, quản lý kỹ thuật tàu, quản lý thuyền viên,..).

+ Triển khai công tác chuyển dịch cơ cấu ngành hoạt động kinh doanh còn chậm: Mặc dù HĐQT và BĐH Công ty đã có những dự đoán về tình hình thị trường vận tải biển, đưa ra quyết sách phù hợp là giảm quy mô hoạt động vận tải biển hàng rời thông qua bán và thanh lý các tàu già, tình trạng kỹ thuật kém và khai thác kém hiệu quả (tàu VF01, VF02, VF Glory) để rút vốn tái cơ cấu nợ (trả nợ vay đầu tư tàu), tạo dòng tiền đầu tư cho các mảng hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp (kho bãi,..). Tuy nhiên tiến độ triển khai còn rất chậm (mới chỉ bán được tàu VF 01), ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và khả năng cân đối và tái cơ cấu lại nguồn vốn phục vụ cho việc đầu tư và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ về phân phối cổ tức cho các cổ đông.

+ Thủ tục giấy tờ chuyển nhượng nhà 22 Phạm Ngọc Thạch- TP HCM vẫn chưa hoàn thành, không đảm bảo đủ điều kiện để phân phối khoản lợi nhuận 74 tỷ đồng cho các cổ đông.

III. Thẩm định báo cáo tài chính (BCTC) năm 2012

- BCTC hợp nhất năm 2012 của Công ty đã được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các BCTC năm 2012 được kiểm toán và soát xét bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam-Công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận.

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập về BCTC hợp nhất năm 2012 là ý kiến chấp thuận toàn bộ. Theo đó Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	432,63 tỷ đồng	404,76 tỷ đồng	107,07%
2	Lợi nhuận trước thuế	2,7 1 tỷ đồng	0,069 tỷ đồng	3927%
3	Lợi nhuận sau thuế	2,71 tỷ đồng	0,069 tỷ đồng	3927%

Doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2012 không bị thua lỗ như rất nhiều doanh nghiệp VTB khác, mà đều vượt kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên phân tích từng mảng kinh doanh thì Công ty vẫn cần phảI nỗ lực hơn nữa:

- Mảng vận tải biển: Đội tàu Vietfracht năm 2012 kinh doanh bị lỗ -37,32 tỷ đồng (nếu tính gộp khoản thu từ việc bán tàu VF01 thì chỉ bị lỗ -13,36 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là:

+ Thị trường vận tải biển suy thoái (nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh trong khi nguồn cung tàu dư thừa, nên giá cước vận chuyển và giá cước cho thuê tàu xuống thấp), trong khi giá nhiên liệu tăng cao và gánh nặng chi phí tài chính (dự nợ vay mua tàu còn 15 triệu USD, nên chi phí lãi vay hàng năm là 21 tỷ đồng). Công tác khai thác tàu, quản lý kỹ thuật và quản lý thuyền viên còn một số hạn chế.

+ Giá cho thuê tàu về cuối năm 2012 bị giảm mạnh, ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch của đội tàu. Cụ thể từ quý IV/2012 giá thuê tàu Thăng Long đang từ 6.250 USD/ngày xuống còn 3.000 USD/ngày; giá cho thuê tàu Blue Lotus giảm từ 8.500 USD/ngày xuống còn 5.750 USD/ngày.

- Chi phí phát sinh bất thường do sự cố kỹ thuật nghiêm trọng của tàu VF02 và Blue Lotus vào quý IV/2012, gây thiệt hại 19,3 tỷ đồng. Đây là rủi ro bất khả kháng của hoạt động vận tải biển.
- Thu nhập bất thường do bán tàu VF01 được 33 tỷ đồng, góp phần bù đắp phần lỗ của mảng vận tại biển.

- Các mảng dịch vụ khác trên bờ đều có lãi và đạt kế hoạch: Giao nhận vận tải (DT 87,64 tỷ và Lợi nhuận 3,66 tỷ); Kho bãi (DT 54,34 tỷ và Lợi nhuận 5,74 tỷ); Đại lý tàu và đại lý container (DT 7,51 tỷ và lợi nhuận 1,45 tỷ); Cho thuê nhà (DT 6,83 tỷ và lợi nhuận 1,05 tỷ); KD tài chính (DT 14,41 tỷ và lợi nhuận 4,02 tỷ).

V. Một số kiến nghị, đề xuất

- Nhanh chóng hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng nhà 22 Phạm Ngọc Thạch, có cơ sở chắc chắn để phân phối lợi nhuận, chia cổ tức cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.

- Công ty cần quyết liệt tái cơ cấu đội tàu theo Đề án được HĐQT phê duyệt để chuyển dịch vốn vào mảng hoạt động khác sinh lời; Rà soát danh mục đầu tư tài chính và thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp hoạt động không hiệu quả.

- Tập trung quản lý và giám sát chặt chẽ hoạt động vận tải biển, cắt giảm chi phí vận tải biển, công tác quản lý thuyền viên, chủ tàu, khai thác một cách triệt để, rà soát ban hành lại các định mức chi phí hoạt động của các tàu (như dầu FO, DO, vật tư thay thế) có kiểm kê báo cáo hàng quý về sử dụng, thay thế vật tư cấp cho đội tàu để nâng cao hiệu quả hoạt động của đội tàu, tiến tới giảm lỗ.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả, cần tập trung củng cố bộ máy quản lý, đầu tư cơ sở vật chất cần thiết, phát triển kho b•i mới tại các địa bàn kinh tế trọng điểm có nhu cầu thị trường lớn (dự án Tân Cảng-Long Bình tại thành phố Hồ Chí Minh, ..)

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, kế hoạch dòng tiền, để đảm bảo cơ cấu nguồn vốn hợp lý, hạn chế rủi ro chi phí vốn tăng cao và biến động tỷ giá bất lợi. Sử dụng hợp lý, đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn thu được từ tái cơ cấu tài sản, đem lại cổ tức cho cổ đông.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản tri

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Ngô Minh Thuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng giám đốc
Ông Trần Bình Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

(Đã ký)

Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Số: 171/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15/03/2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Anh Tuấn **Phó Tổng Giám đốc** *Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV*	**Trần Thị Hương Quỳnh** **Kiểm toán viên** *Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1618/KTV*

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**96.048.094.453**	**110.722.517.371**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**56.276.725.617**	**56.186.681.605**
1. Tiền	111		43.276.725.617	41.286.681.605
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	14.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**3.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**23.232.387.005**	**26.382.519.637**
1. Phải thu khách hàng	131		8.241.491.342	8.912.468.956
2. Trả trước cho người bán	132		5.543.378.082	6.607.711.919
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	9.912.820.975	11.076.788.762
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(465.303.394)	(214.450.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**58.356.327**	**-**
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**16.480.625.504**	**25.153.316.129**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	4.347.017.864	11.046.325.862
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.4	6.203.384.003	6.334.363.046
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	5.4	726.349.465	650.344.164
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.203.874.172	7.122.283.057
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**564.252.941.100**	**621.583.313.710**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**509.352.128.838**	**565.658.170.401**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	491.767.232.096	550.375.832.654
Nguyên giá	*222*		*696.244.306.343*	*742.302.622.688*
Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(204.477.074.247)*	*(191.926.790.034)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		10.086.487.866	10.103.583.758
Nguyên giá	228		*10.107.097.914*	*10.107.097.914*
Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(20.610.048)*	*(3.514.156)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	7.498.408.876	5.178.753.989
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**53.844.143.309**	**55.925.143.309**
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	31.795.400.000	31.795.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	13.863.373.309	15.944.373.309
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	8.600.000.000	8.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.056.668.953**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.056.668.953	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**660.301.035.553**	**732.305.831.081**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**397.686.625.143**	**471.928.779.406**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**134.342.616.746**	**144.606.827.530**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	57.818.181.000	60.648.948.539
2. Phải trả người bán	312		31.723.187.965	30.699.768.637
3. Người mua trả tiền trước	313		306.995.657	1.000.360.030
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.12	6.351.726.213	7.055.482.956
5. Phải trả người lao động	315		17.562.562.788	13.252.945.749
6. Chi phí phải trả	316		1.412.630.700	2.494.679.592
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	19.739.793.443	29.311.144.937
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(572.461.020)	143.497.090
II. Nợ dài hạn	**330**		**263.344.008.397**	**327.321.951.876**
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	262.923.288.000	320.864.712.600
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.15	420.720.397	6.457.239.276
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**262.614.410.410**	**260.377.051.675**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**262.614.410.410**	**260.377.051.675**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	150.000.000.000	150.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.16	3.410.429.248	3.410.429.248
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16	22.706.844.651	22.706.844.651
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16	10.306.987.274	10.306.987.274
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16	76.190.149.237	73.952.790.502
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**660.301.035.553**	**732.305.831.081**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
5. Ngoại tệ các loại			
USD		*1.052.604,90*	*1.221.387,48*
EURO		*381,69*	*392,61*
YEN		*29.975,00*	*31.790,00*
SGD		*571,96*	*594,04*

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Hồng Phúc	**Nguyễn Thanh Thủy**	**Ngô Xuân Hồng**

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		373.742.599.934	360.875.746.022
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	373.742.599.934	360.875.746.022
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	393.814.861.674	365.787.997.314
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**(20.072.261.740)**	**(4.912.251.292)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	14.540.170.857	14.310.260.938
7.	Chi phí tài chính	22	5.19	21.728.520.324	47.595.850.142
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*21.437.637.097*	*18.469.893.537*
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.965.153.698	8.729.265.819
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**(35.225.764.905)**	**(46.927.106.315)**
11.	Thu nhập khác	31	5.20	43.262.968.799	177.026.943.108
12.	Chi phí khác	32	5.20	5.330.345.159	16.151.012.542
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**37.932.623.640**	**160.875.930.566**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**2.706.858.735**	**113.948.824.251**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	39.996.033.749
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**2.706.858.735**	**73.952.790.502**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	180	4.930

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Hồng Phúc	**Nguyễn Thanh Thủy**	**Ngô Xuân Hồng**

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***2.706.858.735***	***113.948.824.251***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	55.641.670.972	48.285.742.772
- Các khoản dự phòng	03	250.853.394	(10.581.528)
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(333.988.189)	22.837.771.994
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.095.014.683)	(171.314.248.953)
- Chi phí lãi vay	06	21.437.637.097	18.469.893.537
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	***08***	***33.608.017.326***	***32.217.402.073***
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	4.300.200.845	3.044.081.579
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(58.356.327)	-
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(12.181.542.994)	(15.595.054.538)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	5.642.639.045	(2.401.795.922)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(21.437.637.097)	(18.469.893.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(41.710.927.605)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.185.458.110)	(3.545.952.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***8.687.862.688***	***(46.462.140.200)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.845.766.125)	(200.485.998.523)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	35.891.723.918	175.327.395.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.000.000.000)	(3.663.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.081.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.713.427.481	11.752.123.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***51.840.385.274***	***(20.069.779.588)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	155.386.622.821
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.895.435.739)	(63.124.979.559)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.191.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(60.895.435.739)***	***72.069.723.262***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**(367.187.777)**	**5.537.803.474**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**56.186.681.605**	**50.458.586.375**
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	457.231.789	190.291.756
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**56.276.725.617**	**56.186.681.605**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Hồng Phúc	**Nguyễn Thanh Thủy**	**Ngô Xuân Hồng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ GTVT.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION
Tên viết tắt: VIETFRACHT
Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở KH và ĐT TP Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Tân Cảng - VF
Công ty Cổ phần In Viễn Đông
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam
Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN
Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhờn, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính cả Công ty trong năm là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 /12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.
Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.
Công nợ tài chính : Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.
Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản và phát sinh giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn
Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao
Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao và phần mềm quản lý kho bãi được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính
Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con
Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại VN.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	1.534.181.163	1.366.717.797
Tiền gửi Ngân hàng	41.742.544.454	39.919.963.808
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	14.900.000.000
Tổng	**56.276.725.617**	**56.186.681.605**

5.2 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu khác		
Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải	*400.000.000*	*400.000.000*
Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	*5.229.333.970*	*5.229.333.970*
Tiền ứng cho các thuyền viên	*1.184.506.673*	*2.642.393.127*
Phải thu khác	*3.098.980.332*	*2.805.061.665*
Tổng	**9.912.820.975**	**11.076.788.762**

5.3 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dầu diezel tồn tại các tàu lúc 24h	-	3.519.737.675
Chi phí sửa chữa tàu	4.162.931.500	7.526.588.187
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	184.086.364	-
Tổng	**4.347.017.864**	**11.046.325.862**

5.4 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	6.203.384.003	6.334.363.046
Thuế xuất nhập khẩu đã nộp	20.301.526	19.059.751
Thuế TNDN nộp thừa	464.456.520	464.456.520
Thuế TNCN nộp thừa	-	166.603.725
Thuế khác	241.591.419	224.168
Tổng	**6.929.733.468**	**6.984.707.210**

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	4.260.247.048	6.112.655.933
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	943.627.124	1.009.627.124
Tổng	**5.203.874.172**	**7.122.283.057**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2012	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01	**42.583.852.829**	**528.168.429**	**696.635.730.557**	**2.452.013.730**	**102.857.143**	**742.302.622.688**
Tăng trong năm	-	-	216.683.475	309.428.363	-	526.111.838
XDCB hoàn thành	-	-	*216.683.475*	-	-	*216.683.475*
Mua trong năm	-	-	-	*309.428.363*	-	*309.428.363*
Giảm trong năm	-	-	46.584.428.183	-	-	**46.584.428.183**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*46.584.428.183*	-	-	*46.584.428.183*
Tại ngày 31/12	**42.583.852.829**	**528.168.429**	**650.267.985.849**	**2.761.442.093**	**102.857.143**	**696.244.306.343**
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01	**11.493.564.738**	**449.262.649**	**177.987.966.205**	**1.893.139.299**	**102.857.143**	**191.926.790.034**
Tăng trong năm	1.992.866.100	49.736.270	53.272.188.481	309.784.229	-	**55.624.575.080**
Trích khấu hao	*1.992.866.100*	*49.736.270*	*53.272.188.481*	*309.784.229*	-	*55.624.575.080*
Giảm trong năm	-	-	43.074.290.867	-	-	**43.074.290.867**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*43.074.290.867*	-	-	*43.074.290.867*
Tại ngày 31/12	**13.486.430.838**	**498.998.919**	**188.185.863.819**	**2.202.923.528**	**102.857.143**	**204.477.074.247**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01	**31.090.288.091**	**78.905.780**	**518.647.764.352**	**558.874.431**	**-**	**550.375.832.654**
Tại ngày 31/12	**29.097.421.991**	**29.169.510**	**462.082.122.030**	**558.518.565**	**-**	**491.767.232.096**

Nguyên giá của các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 7.652.594.324 đồng.
Nguyên giá tài sản thế chấp ngân hàng là 576.936.173.492 đồng.

5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	41.901.875
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	6.261.298.692	3.910.594.930
Nhà 73 Lò Đúc	813.911.839	813.911.839
Các công trình khác	147.216.436	136.363.436
Tổng	**7.498.408.876**	**5.178.753.989**

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	4.195.400.000	4.195.400.000
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	27.600.000.000	27.600.000.000
Tổng	**31.795.400.000**	**31.795.400.000**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	8.000.000.000	52,44%	52,44%	Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng hóa
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	30.000.000.000	92,00%	92,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải

5.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	*2.626.500.000*	*2.626.500.000*
Công ty CP In Viễn Đông	*5.400.000.000*	*5.400.000.000*
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin	*1.534.595.200*	*1.534.595.200*
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	*780.006.000*	*780.006.000*
Đầu tư vào công ty liên doanh		
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore	*1.187.642.109*	*3.268.642.109*
Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres	*414.630.000*	*414.630.000*
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	*1.440.000.000*	*1.440.000.000*
Công ty CP Unithai Logistics VN	*480.000.000*	*480.000.000*
Tổng	**13.863.373.309**	**15.944.373.309**

5.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS -Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

(1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Nol/CSS-Singapore. Một phần vốn đã được thu hồi. Số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.

(2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)	*4.000.000.000*	*4.000.000.000*
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình (**)	*4.500.000.000*	*4.500.000.000*
Công ty CP Đầu tư XD Trung Hưng (***)	*100.000.000*	*100.000.000*
Tổng	**8.600.000.000**	**8.600.000.000**

(*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17%, tương ứng 400.000 cổ phần trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

(**) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/7/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% tương ứng 450.000 cổ phần trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

(***) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2012, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% tương ứng 10.000 cổ phần trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.

5.11 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	2.808.551.139
Nợ dài hạn đến hạn trả	**57.818.181.000**	**57.840.397.400**
Tổng	**57.818.181.000**	**60.648.948.539**

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	111.031.310	113.349.966
Thuế thu nhập cá nhân	491.843.755	544.276.209
Các loại thuế khác	5.748.851.148	6.397.856.781
Tổng	**6.351.726.213**	**7.055.482.956**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.13 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	811.057.126	542.539.197
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	9.303.102	125.524.633
Phải trả về cổ phần hóa	-	13.461.071.957
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.463.650.050	469.909.050
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	5.530.552.829	5.828.813.343
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty nhà nước	7.214.182.290	7.214.182.290
Phải trả khác	3.339.408.147	297.464.568
Tổng	**19.739.793.443**	**29.311.144.937**

5.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	102.084.624.000	133.549.136.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ	92.565.720.000	104.176.449.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ	126.091.125.000	140.979.525.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	**320.741.469.000**	**378.705.110.000**
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Vay dài hạn đến hạn trả	57.818.181.000	57.840.397.400
Số dƣ vay và nợ dài hạn	**262.923.288.000**	**320.864.712.600**

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTC/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 1 năm 2011.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2011/HDTC/PGB-HO ngày 09/06/2011 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô Oriental Princes trọng tải 14.187 DWT. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 9 năm 2011.

5.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	712.500	712.500	712.500	712.500	712.500
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	1.508.800	1.508.800	1.508.800	376.800	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	555.750	555.750	555.750	555.750	555.750
Tổng	**2.777.050**	**2.777.050**	**2.777.050**	**1.645.050**	**1.268.250**

5.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền khách hàng đã trả trước để thuê nhà và tài sản trong năm 2013.

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2012 VND	**01/01/2012 VND**
Vốn góp của Nhà nước	76.532.000.000	76.532.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	73.468.000.000	73.468.000.000
Tổng	**150.000.000.000**	**150.000.000.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2012 VND	**Năm 2011 VND**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**-**	**15.000.000.000**

Cổ phiếu giao dịch:

	Năm 2012 Cổ phiếu	**Năm 2011 Cổ phiếu**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**15.000.000**	**15.000.000**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2012 VND	**01/01/2012 VND**
Quỹ đầu tư phát triển	22.706.844.651	22.706.844.651
Quỹ dự phòng tài chính	10.306.987.274	10.306.987.274
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2011	**150.000.000.000**	**2.275.429.248**	**21.156.844.651**	**12.480.424.748**	**22.706.944.313**	**208.619.642.960**
Tăng trong năm	-	1.135.000.000	1.550.000.000	2.271.744.065	73.952.790.502	78.909.534.567
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	*73.952.790.502*	*73.952.790.502*
Phân phối lợi nhuận	-	*1.135.000.000*	*1.550.000.000*	*2.271.744.065*	-	*4.956.744.065*
Giảm trong năm	-	-	-	4.445.181.539	22.706.944.313	27.152.125.852
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	*7.417.744.065*	*7.417.744.065*
Chia cổ tức	-	-	-	-	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*
Giảm khác	-	-	-	*4.445.181.539*	*289.200.248*	*4.734.381.787*
Tại ngày 31/12/2011	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**73.952.790.502**	**260.377.051.675**
Tại ngày 01/01/2012	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**73.952.790.502**	**260.377.051.675**
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.706.858.735	2.706.858.735
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	*2.706.858.735*	*2.706.858.735*
Giảm trong năm	-	-	-	-	469.500.000	469.500.000
Giảm khác	-	-	-	-	*469.500.000*	*469.500.000*
Tại ngày 31/12/2012	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**76.190.149.237**	**262.614.410.410**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.17 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	373.742.599.934	360.875.746.022
Tổng	**373.742.599.934**	**360.875.746.022**

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	393.814.861.674	365.787.997.314
Tổng	**393.814.861.674**	**365.787.997.314**

5.19 DOANH THU/CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	2.818.914.316	4.171.963.948
Lãi chênh lệch tỷ giá	826.609.489	2.558.137.275
Cổ tức lợi nhuận được chia	10.894.513.165	7.580.159.715
Doanh thu hoạt động tài chính khác	133.887	-
Tổng	**14.540.170.857**	**14.310.260.938**
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	21.437.637.097	18.469.893.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá	278.595.772	29.026.412.455
Chi phí tài chính khác	12.287.455	99.544.150
Tổng	**21.728.520.324**	**47.595.850.142**
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	**(7.188.349.467)**	**(33.285.589.204)**

5.20 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	37.507.545.913	175.927.272.727
Đánh giá tài sản đi góp vốn	-	141.199.750
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	5.748.696.261	839.470.710
Các khoản khác	6.726.625	118.999.921
Tổng	**43.262.968.799**	**177.026.943.108**
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, chuyển nhượng	3.510.136.716	15.306.592.277
Chi phí thanh lý, chuyển nhượng tài sản	1.615.821.995	599.877.455
Các chi phí khác	204.386.448	244.542.810
Tổng	**5.330.345.159**	**16.151.012.542**
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	**37.932.623.640**	**160.875.930.566**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.706.858.735	73.952.790.502
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.706.858.735	73.952.790.502
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**180**	**4.930**

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

5.22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.776.912.922	81.499.389.125
Chi phí nhân công	53.190.697.494	56.997.035.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.641.671.572	48.038.397.333
Chi phí dự phòng	-	57.938.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.035.971.756	171.750.808.980
Chi phí khác	16.134.761.628	16.173.694.179
Tổng	**401.780.015.372**	**374.517.263.133**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
HĐQT và BKS		Thù lao	306.900.000	421.200.000
Ban lãnh đạo		Thu nhập	891.000.000	701.499.163

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch bán hàng				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	94.909.090	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	476.323.310	2.667.207.144
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	194.810.853	254.461.615
Công ty CP vận tải Tân cảng- Asaco	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	127.772.837	-
Công ty CP Unithai Logistics VN	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.733.503.542	163.146.492
Giao dịch mua hàng				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.752.205	11.656.736
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	312.498.734
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.946.160	77.353.929
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	585.000

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	52.200.000
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên doanh	Phải thu khách hàng	27.066.964	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	128.501.953	111.216.419
Công ty CP Unithai Logistics Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	321.084.333	18.253.561
Các khoản phải trả				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả người bán	7.401.620	-
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải trả người bán	14.700.000	32.835.055

(*) Các giao dịch trên không bao gồm các giao dịch về chi trả cổ tức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	456.734.393.787	35.032.838.309	491.767.232.096
Xây dựng cơ bản dở dang	-	7.498.408.876	7.498.408.876
Các khoản phải thu	2.917.339.504	25.518.921.673	28.436.261.177
Hàng tồn kho			-
Tài sản không thể phân bổ			132.599.133.404
Tổng tài sản	**459.651.733.291**	**68.050.168.858**	**660.301.035.553**
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	9.698.374.088	22.331.809.534	32.030.183.622
Phải trả tiền vay	320.741.469.000		320.741.469.000
Nợ phải trả không phân bổ			44.914.972.521
Tổng nợ phải trả	**330.439.843.088**	**22.331.809.534**	**397.686.625.143**

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	217.094.228.285	156.648.371.649	373.742.599.934
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
Tổng doanh thu	**217.094.228.285**	**156.648.371.649**	**373.742.599.934**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	(15.766.989.508)	2.269.744.927	(13.497.244.581)
Chi phí tài chính phân bổ	21.558.977.775	169.542.549	21.728.520.324
Kết quả kinh doanh bộ phận	(37.325.967.283)	2.100.202.378	(35.225.764.905)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	*5.564.020.361*	*32.368.603.279*	*37.932.623.640*
Lợi nhuận kế toán trước thuế			2.706.858.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Lợi nhuận trong năm			**2.706.858.735**

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - QUẢN LÝ RỦI RO

Quản lý rủi ro vốn
Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 và 5.14, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu
Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	**01/01/2012 VND**
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	56.276.725.617	56.186.681.605
Phải thu khách hàng (ngắn + dài hạn)	8.241.491.342	8.912.468.956
Phải thu khác (ngắn + dài hạn)	9.912.820.975	11.076.788.762
Đầu tư tài chính khác (ngắn + dài hạn)	8.600.000.000	11.600.000.000
Tổng	**83.031.037.934**	**87.775.939.323**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay nợ (ngắn + dài hạn)	320.741.469.000	381.513.661.139
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	31.723.187.965	30.699.768.637
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	19.739.793.443	29.311.144.937
Chi phí phải trả	1.412.630.700	2.494.679.592
Tổng	**373.617.081.108**	**444.019.254.305**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính
Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - QUẢN LÝ RỦI RO (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thảnh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.
Khả năng thanh toán có thể bị ảnh hưởng do dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư không cân đối với dòng tiền từ hoạt động tài chính nếu tình hình thị trường và các yếu tố liên quan khác liên quan đến các hoạt động đầu tư và tài chính không thay đổi.

6.4 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong Báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

6.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Hồng Phúc	**Nguyễn Thanh Thủy**	**Ngô Xuân Hồng**

CƠ CẤU LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ông Trần Văn Quý – CT HĐQT

Sinh ngày 03/12/1954, Kỹ sư kinh tế Vận tải biển, từ năm 1985 Ông là Thuyền trưởng các tàu của Vietfracht, từ năm 1993 đến năm 1996 ông đảm nhận các chức vụ Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 1998 Ông giữ chức vụ Giám đốc xí nghiệp APL (ASACO), từ năm 2000 đến năm 2003 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh APL Việt Nam và Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 2004 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2006 Ông giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2009 Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556
Số CP sở hữu cá nhân: 33.500
Số CP nắm giữ: 2.559.056

Ông Ngô Xuân Hồng – UV HĐQT

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556
Số CP sở hữu cá nhân: 4.900
Số CP nắm giữ: 2.530.456

Ông Nguyễn Trọng Hiền – UV HĐQT

Sinh ngày 10/09/1976, Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Học viện QTKD Vương Quốc Bỉ, từ năm 2005 đến năm 2007 Ông giữ các chức vụ Phó phòng, Trưởng phòng Dự án Công ty Investpro, từ tháng 5 năm 2007 đến nay, Ông công tác tại Ban Đầu tư 2 - Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn NN (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.602.088
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 2.602.088

Ông Ngô Minh Thuấn – UV HĐQT

Sinh ngày 07/02/1971, Thạc sĩ kinh tế Vận tải biển, từ năm 1994 đến năm 2007 Ông lần lượt giữ các chức vụ nhân viên điều độ, Trợ lý điều hành sản xuất – XN Cảng Cát Lái, Đội trưởng Trực ban sản xuất – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc kiêm Trực ban SX – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc và Giám đốc Trung tâm điều độ, từ năm 2009 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Số CP Đại diện phần vốn của cổ đông chiến lược: 1.000.000
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 1.000.000

Ông Nguyễn Quang Thoại – UV HĐQT

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1983 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó và Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD CSS, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Cty Dịch vụ Hàng hải, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến năm 2011 Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfrach), từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN..

Số CP Đại diện phần vốn NN:0
Số CP sở hữu cá nhân: 5.900
Số CP nắm giữ: 5.900

HÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Kiều Bích Hoa - Trưởng BKS

Sinh ngày 24/11/1983, Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính, từ năm 2005 đến năm 2006 Bà là cán bộ Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, từ năm 2006 đến nay Bà công tác tại Ban Đầu tư 2 – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn NN (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 0

Ông Nguyễn Giang Tiến - ỦV BKS

Sinh ngày 17/03/1951, Cử nhân Kinh tế đối ngoại, từ năm 1978 đến năm 2003 Ông lần lượt giữ các chức vụ Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, năm 2003 ông giữ các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, UV HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, tháng 10/2006 Ông giữ chức vụ Phó TGĐ Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), tháng 3 năm 2011 Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 3.300
Số CP nắm giữ: 3.300

Ông Nguyễn Tuấn Anh – UV BKS

Sinh ngày 22/10/1981, cử nhân kinh tế, hiện Ông đang là Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 2.000
Số CP nắm giữ: 2.000

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556
Số CP sở hữu cá nhân: 4.900
Số CP nắm giữ: 2.535.356

Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Sinh ngày 21/02/1960 cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốck iêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 4.200
Số CP nắm giữ: 4.200

Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/05/1963 kỹ sư Hàng Hải ngành điều khiển tàu biển, từ năm 1987 đến năm 2005 Ông giữ các chức vụ Thủy thủ, Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển Vietfracht, từ năm 2005 đến năm 2011 Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chuyên viên phòng Vận tải biển, phó trưởng phòng Vận tải biển, Phó trưởng phòng Quản lý tàu, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Vận tải biển và Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Vận tải biển, từ tháng... năm 2011 đến nay Ông giữ chứcPhó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 500
Số CP nắm giữ: 500

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày01/07/1959 Thạc sỹ kinh tế Ngoại thương, từ năm 1980 đến năm 2004 Ông làm chuyên viên tại các phòng quản lý và nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 1 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng QLĐTXD, Phụ trách phòng QLĐTXD, Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 7.400
Số CP nắm giữ: 7.400

Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/06/1959 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1981 đến năm 1987 Ông làm cán bộ A13 tại Bộ Nội vụ, từ năm 1987 đến năm 1989 Ông làm cám bộ chuyên gia tại nước bạn Lào, từ năm 1989 đến năm 1992 Ông làm Trưởng phòng XNK Công ty Đầu tư Hà Nội, từ năm 1992 đến năm 1998 Ông làm Cán bộ phòng Đại lý HAS – VFHCM và đảm nhiệm chức vụ Phó Phòng đại lý HAS – VFHCM, từ năm 1998 đến tháng 8 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Đại lý SSPL, Phó Giám đốc chi nhánh VFHCM, Giám đốc chi nhánh VFHCM, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vân tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 0

Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 29/09/1957 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1979 đến năm 1983 Ông làm cán bộ phòng Nghiệp vụ XNK Cty GNKV Ngoại thương Hải Phòng,, từ năm 1984 đến năm 1989 Ông học Đại học Ngoại thương ngành kinh tế, từ năm 1990 đến năm 1995 Ông là cán bộ Chi nhánh Công ty Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng, từ năm 1996 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Trưởng phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Phó GĐ chi nhánh VFHP, Giám đốc chi nhánh VFHP, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu (Vietfrach).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 2.500
Số CP nắm giữ: 2.500

Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng

Sinh ngày 26/10/1957 Thạc sỹ kinh tế từ năm 1981 đến năm 1999 Ông giữ các chức vụ giáo viên Trường cao cấp NV Ngân hàng, chuyên viên phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó phòng kiểm toán nội bộ, Từ năm 2001 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, từ tháng 11 năm 2008 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 10.000
Số CP nắm giữ: 10.000

QUYỀN LỢI CỦA HĐQT và BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Qui chế trả lương như sau:

Hệ số lương: theo qui định của NĐ 205/2004/CP ngày 14/12/2006

- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 7,3
- Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,97
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc 2/2 - Hệ số 5,98

Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:

- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 13,00
- Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 12,00
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc ½ – Hệ số 9,5

Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NĂM 2012

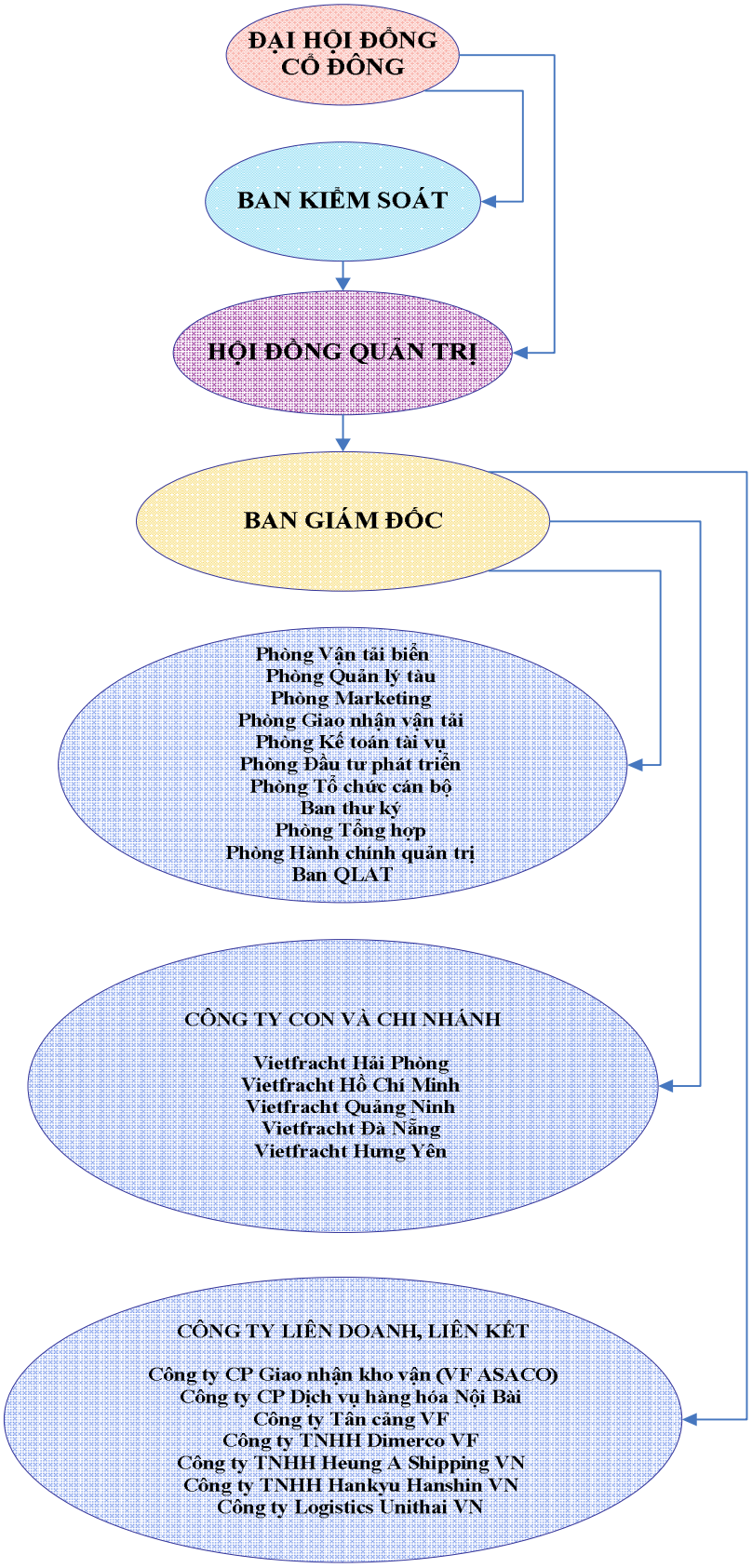

Trình độ	Số lượng
Trên Đại học	08
Đại học	239
Khác	273
Tổng	520

Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầu đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng dậy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC

CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN GÓP TẠI CÔNG TY VIETFRACHT

Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): giữ 51% vốn
http://www.scic.vn

CÁC CÔNG TY DO CÔNG TY VIETFRACHT NẮM GIỮ TRÊN 50 % VỐN GÓP

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHĐT Tp Đà Nẵng.
Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
Vốn Điều lệ: 8.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 4.195.400.000 đồng, chiếm 52,44 % vốn ĐL
Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

Chỉ tiêu	2011 (tỷ đồng)	2012 (tỷ đồng)	So sánh 2012/2011
Doanh thu	93,54	57,55	61,5%
Lợi nhuận trước thuế	2,32	3,92	168,9%
Lợi nhuận sau thuế	**1,60**	**3,23**	**201,8%**

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900245281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2008.
Trụ sở chính: Km 24, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 27.600.000.000 đồng, chiếm 92% vốn Điều lệ.
Ngành kinh doanh: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sắt, vận tải quá cảnh, vận tải đa phương thức; Đại lý giao nhận vận tải và tiếp vận (logistics); Kinh doanh cảng cạn(ICD), kho bãi container, kho ngoại quan; Môi giới hàng hải, XNK hàng hoá; Kinh doanh Bất động sản.

Chỉ tiêu	2011 (tỷ đồng)	2012 (tỷ đồng)	So sánh 2012/2011
Doanh thu	12,74	30,00	235,4%
Lợi nhuận trước thuế	1,05	2,60	247,6%
Lợi nhuận sau thuế	**1,05**	**2,60**	**247,6%**

CÁC CÔNG TY DO CÔNG TY VIETFRACHT NẮM GIỮ DƯỚI 50 % VỐN GÓP

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty TNHH Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	09/12/2005	780 triệu đ.	49%
2	Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Viet Nam	Hà Nội	07/07/2008	1,534 tỷ đ.	49 %
3	Công ty TNHH Vận tải biển thế kỷ (CSS) (Chấm dứt HĐ từ tháng 10/2010)	Singapore	30/09/1992	3,9268 tỷ đ.	40 %
4	Công ty CP Vận tải Tân Cảng – ASACO (ASACO)	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,626 tỷ đ.	34 %
5	Công ty TNHH Heung-A Shipping Viet Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,44 tỷ đ.	30 %
6	Công ty CP In Viễn Đông	Hưng Yên	10/05/2010	4,4 tỷ đ.	30%
7	Công ty CP Unithai Logistics Viet Nam	Hồ Chí Minh	29/02/2008	480 triệu đ.	20%
	Tổng số:			**15,944 tỷ đ.**	

CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn đầu tư dài hạn hoặc đầu tư dài hạn vào 3 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 9,5 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP ĐTXD Trung Hưng	Hà Nội	02/06/2010	1 tỷ đ.	10%
2	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,00 tỷ đ.	4,17 %
3	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	4,5 tỷ đ.	3 %
	Tổng số:			**9,5 tỷ đ.**	

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	51%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Năm sinh	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
I	**Tổ chức**				
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)		7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
2	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		1.000.000		Khai thác cảng container và các dịch vụ hàng hải
II	**Cá nhân**				
1	Trần Văn Quý	03/12/1954	33.500	86H Võ Thị Sáu, Q. 1, TP. HCM	
2	Ngô Xuân Hồng	08/01/1969	4.900	5/26 Ngõ 678, La Thành, HN	
3	Nguyễn Trọng Hiền	10/09/1976	0	15A Trần Khánh Dư, HN	
4	Nguyễn Quang Thoại	2008/1951	5.900	55 Ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ, HN	
5	Nguyễn Tuấn Anh	22/10/1981	2.000	220 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	
6	Nguyễn Giang Tiến	17/03/1951	3.300	Nhà số 5/24 Ng. Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, HN	
7	Trần Bình Phú	21/02/1960	4.200	Số 23 Ngõ 49 Huỳnh Phúc Kháng, HN	
8	Lê Văn Thành	10/05/1963	500	Số 6/203/22 Thanh Lương, Hai Bà Trưng, HN	
9	Vũ Anh Tú	29/09/1957	2.500	6/149 Hai Bà Trưng, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	
10	Nguyễn Thành Luyện	01/07/1959	7.400	203 Bà Triệu, HN	
III	**Nước ngoài**				
	Cổ đông nước ngoài		1.35%		

CÁC ĐƠN VỊ LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT
Trụ sở chính: *74 Nguyễn Du, Hà Nội*
Điện thoại: *04.38228915*
Fax: *04.39423679*
Website: *www.vietfracht.com.vn*

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG
Địa chỉ: *35 Minh Khai, TP. Hải Phòng*
Điện thoại: *031.3745529*
Fax : *031.3842276*

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: *Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*
Tel: *08.38215809*
Fax: *08.38216682*
Website: *www.vietfracht-hcm.com*

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH
Địa chỉ: *51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN*
Điện thoại: *033.3826697*
Fax: *033.3825659*

VIETFRACHT QUY NHƠN
Địa chỉ: *88 Mai Xuân Thưởng, TP. Qui Nhơn*
Điện thoại: *056.3814589*
Fax: *056.3822687*

VIETFRACHT ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: *113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng*
Điện thoại: *0511.3823538*
Fax: *0511.3897406*
Website: *www.vfv.com.vn*

VIETFRACHT HƯNG YÊN
Address: *Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Hưng Yên*
Điện thoại: *04.38228915 / máy lẻ 210*
Fax: *04.38263978*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG HƯNG
Address: *Số 4, Lô 15E, Đường Trung Hòa, Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Điện thoại: *04.66583436*
Fax: *04.37868567*

CÔNG TY CP IN VIỄN ĐÔNG
Address: *Km 24, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Hưng Yên*
Điện thoại: *0321.3587587*
Fax: *03213587590*

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT
Địa chỉ: *29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh*
Điện thoại: *08.39106028*
Fax : *08.39106027*

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VN
Địa chỉ: *Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trứ, Quận1,TP Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Điện thoại: *08.38210806*
Fax: *08.38211050*
Website: *www.heung-a.co.kr*

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU-HANSHIN VIỆT NAM
Địa chỉ: *52 Hoà Mã, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*
Điện thoại: *04.39420231*
Fax: *04.39424909*

CÔNG TY CP UNITHAI LOGISTICS VIỆT NAM
Địa chỉ: *22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh*
Điện thoại: *08.39146849*
Fax: *08.39146849*

CÔNG TY CP TÂN CẢNG VF
Địa chỉ: *22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh*
Điện thoại: *08.38291331*
Fax: *08.38279124*
Website: *www.vietfrachtlog.com.vn*

CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Địa chỉ: *Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai*
Điện thoại: *061.2608107*
Fax: *08.35129471*
Website: *www.saigonnewport.com.vn*

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI
Address: *Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội*
Điện thoại: *04.35840905*
Fax: *04.35840906*
Website: *www.noibaicargo.com.vn*